

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T, TỈNH B G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang;
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Chị Vũ Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 35/9 hẻm 120 đường Lê V Qu, phường B H H A, quận B T, thành phố H C M.

Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Bản T H, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 4 năm 2019, bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị N trình bày: Chị và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh

phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh T nghi ngờ chị ngoại tình nên thường xuyên đánh đập chị khiến chị phải đi điều trị tại bệnh viện. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2018. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn T.

Con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lương Tuấn D, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2001 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007. Cháu Dũng đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng nuôi cháu H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Các khoản nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 7 năm 2019 anh Lương Văn T trình bày: Anh và chị N kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh và chị N sống ly thân từ tháng 10 năm 2016. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị N.

Con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Lương Tuấn D, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2001 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007. Cháu Dũng đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý để chị N nuôi cháu H, anh không cấp dưỡng.

Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị N và anh Lương Văn T đều vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227, Điều 228 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Cho chị N ly hôn anh Lương Văn T;

Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị N vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị N, anh Lương Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vũ Thị N và anh Lương Văn T kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2000, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016. Ngày 19 tháng 4 năm 2019 chị N nộp đơn xin ly hôn Lương Văn T, anh T đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu nên cần chấp nhận cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Lương Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Lương Tuấn D, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2001 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007. Cháu Dũng đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị N và anh T đều đồng ý giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần giao cháu Lương Thị Thu H, cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.2] Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung của vợ chồng: Chị N và anh T cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Xử:

1. Cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Giao con chung là Lương Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Vũ Hoàng Chương đã nộp thay chị Vũ Thị N tại biên lai thu số AA/2014/0004367 ngày 24 tháng 4 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G thu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi ở cuối cùng./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- UBND xã Đ H, huyện Y T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thạo